

CHỈ THỊ

Về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 tỉnh Nghệ An

Căn cứ Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 08/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030, UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã (sau đây gọi tắt là các sở, ngành, địa phương) triển khai việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 theo các nội dung dưới đây:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Cơ sở đánh giá

1.1. Các văn bản của Trung ương

- Các Nghị quyết của Trung ương, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030.

- Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững.

- Các Nghị quyết của Quốc hội về: kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 (Nghị quyết số 16/2021/QH15), kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 05 năm giai đoạn 2021-2025 (Nghị quyết số 23/2021/QH15); giao, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

- Các Nghị quyết của Chính phủ.

1.2. Các văn bản của địa phương

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX.

- Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 tỉnh Nghệ An.

- Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương.

- Các Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 và số 48/NQ-HĐND ngày 11/9/2023 của HĐND tỉnh về việc phân bổ vốn dự phòng và điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

- Các Nghị quyết của HĐND tỉnh về: giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai

đoạn 2021-2025 (số 45/NQ-HĐND, số 46/NQ-HĐND và số 47/NQ-HĐND ngày 12/10/2022), phân bổ bổ sung và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 (số 45/NQ-HĐND ngày 11/9/2023, 28/NQ-HĐND ngày 07/6/2024).

- Các Quyết định của UBND tỉnh về: giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (số 3530/QĐ-UBND ngày 28/9/2021, 5069/QĐ-UBND ngày 24/12/2021, 487a/QĐ-UBND ngày 28/02/2022, 837/QĐ-UBND ngày 29/3/2023, 2280a/QĐ-UBND ngày 31/7/2023); điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (số 2270/QĐ-UBND ngày 28/7/2023, 3051/QĐ-UBND ngày 26/9/2023, 1073/QĐ-UBND ngày 03/5/2024).

- Nghị quyết của HĐND các cấp về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; quy hoạch tỉnh và các quy hoạch khác có liên quan.

1.3. Tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công các năm 2021, 2022, 2023, ước thực hiện năm 2024 và dự kiến kế hoạch năm 2025.

2. Nội dung đánh giá

Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, trong đó tập trung vào các nội dung cụ thể sau:

2.1. Bối cảnh, việc quản lý, triển khai và chấp hành quy định của pháp luật, chủ trương của Quốc hội, chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của UBND tỉnh về đầu tư công giai đoạn 2021-2025. Đánh giá việc ban hành văn bản, chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn trong quản lý đầu tư công của tỉnh và các sở, ngành, địa phương.

2.2. Tình hình phân bổ, giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 theo ngành, lĩnh vực, chương trình, nhiệm vụ, dự án theo từng nguồn vốn (vốn ngân sách nhà nước, vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư (nếu có)).

2.3. Tình hình phân bổ, giao, điều chỉnh, giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công các năm 2021, 2022, 2023, ước thực hiện năm 2024, dự kiến kế hoạch năm 2025 theo từng nguồn vốn cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án, cụ thể:

a) Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản; xác định số nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước và từ ngày 01/01/2015 nhưng chưa được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 để hoàn trả (nếu còn). Xác định cụ thể trách nhiệm hoàn trả của ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã.

b) Thu hồi vốn ứng trước đến hết giai đoạn 2021 - 2025 theo quy định, bao gồm cả việc triển khai theo quy định tại Nghị quyết số 93/2023/QH15 của Quốc hội; xác định số dư vốn ứng trước còn lại phải bố trí vốn thu hồi trong giai đoạn 2026 - 2030 (nếu còn). Xác định cụ thể trách nhiệm bố trí vốn để thu hồi của ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã.

Đối với nội dung tại mục 2.3.a và 2.3.b nêu trên, yêu cầu các các sở, ngành, địa phương giải trình cụ thể nguyên nhân đến nay vẫn còn nợ đọng xây dựng cơ bản, số dư vốn ứng trước chưa thu hồi. Chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh, các cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán về việc không báo cáo chính xác, đầy đủ về số nợ đọng xây dựng cơ bản, số dư vốn ứng trước chưa thu hồi. Làm rõ trách nhiệm cơ quan, tổ chức, cá nhân. Đề xuất phương án xử lý dứt điểm.

c) Triển khai thực hiện các dự án dự án trọng điểm, đường ven biển, dự án kết nối, có tác động lan tỏa, liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững; trong đó, báo cáo cụ thể tình hình triển khai từng dự án; đánh giá kết quả; khó khăn, thuận lợi; hiệu quả đầu tư; năng lực tăng thêm của từng dự án.

d) Xác định danh mục dự án và kế hoạch đầu tư công chi tiết theo từng nguồn vốn tương ứng (chi tiết dự án quan trọng quốc gia, nhóm A, B, C; không bao gồm nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia), cụ thể:

- Danh mục dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021 - 2025 nhưng chưa bố trí đủ vốn kế hoạch hàng năm (chi tiết số vốn giao và giải ngân hàng năm);

- Danh mục dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2025 theo tiến độ;

- Danh mục dự án đã được giao kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 nhưng chưa được giao kế hoạch đầu tư công hàng năm (không bao gồm vốn chuẩn bị đầu tư);

- Danh mục dự án sử dụng vốn nước ngoài đã ký Hiệp định, đã được gia hạn Hiệp định vay nhưng chưa có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Danh mục dự án sử dụng vốn nước ngoài có Hiệp định vay hết thời hạn trước 31/12/2025 nhưng vẫn còn thời hạn báo cáo chi tiêu hoàn chứng từ theo quy định của nhà tài trợ.

đ) Tình hình thực hiện các dự án sử dụng vốn từ nguồn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi ngân sách trung ương năm 2021, 2022, 2023, dự phòng ngân sách trung ương hàng năm (nếu có).

e) Tình hình thực hiện kế hoạch, quản lý, sử dụng vốn đầu tư công cho nhiệm vụ cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý cho các ngân hàng chính sách; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

g) Đối với nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư: báo cáo cụ thể nguồn thu được để lại theo quy định của pháp luật bố trí cho đầu tư; tình hình phân bổ, điều chỉnh, thực hiện, giải ngân vốn cho các nhiệm vụ, dự án.

Các sở, ngành, địa phương chỉ đạo các đơn vị trực thuộc và chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh, các cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán trong trường hợp không báo cáo đầy đủ, chi tiết đối với nguồn vốn này.

h) Đối với nguồn ngân sách địa phương: báo cáo tình hình thực hiện nguồn bội chi, nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách địa phương hằng năm cho đầu tư. Đánh giá nguồn và mức độ thu từ đất, xổ số kiến thiết so với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tình hình thực hiện cam kết bố trí vốn ngân sách cấp huyện, cấp xã đối với những dự án có sử dụng vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh theo cơ cấu nguồn vốn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đánh giá nguồn dư nợ ngân sách địa phương.

2.4. Tình hình huy động các nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác phục vụ cho đầu tư phát triển; tình hình thực hiện, giải ngân các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) trong giai đoạn 2021 - 2025 (bao gồm: vốn ngân sách nhà nước, vốn của nhà đầu tư).

2.5. Kết quả đạt được, hiệu quả đầu tư dự án, năng lực tăng thêm. Đánh giá tính khả thi và dự kiến mức độ hoàn thành kế hoạch so với mục tiêu đã được cấp có thẩm quyền giao trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 theo từng nguồn vốn.

2.6. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc; Nguyên nhân (khách quan, chủ quan); Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân; Bài học kinh nghiệm; Đề xuất, kiến nghị (kể cả các giải pháp, kiến nghị về cơ chế chính sách cần triển khai trong thời gian còn lại của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu đề ra (nếu có)).

2.7. Đối với 03 Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG):

a) Các cơ quan chủ trì tham mưu quản lý các CTMTQG (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc):

- Tình hình ban hành văn bản quản lý, tổ chức thực hiện các CTMTQG theo thẩm quyền, phân cấp. Đánh giá tình hình tổ chức, thực hiện Nghị quyết số 111/2024/QH15, các khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp xử lý (trong đó kiến nghị rõ cơ quan có thẩm quyền xử lý).

- Tình hình phân bổ, sử dụng, giải ngân vốn ngân sách nhà nước, bao gồm ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho các địa phương (gồm vốn đầu tư phát triển, kinh phí sự nghiệp, trong đó chi tiết vốn trong nước, vốn nước ngoài (nếu có)), vốn đối ứng của địa phương phải bố trí và đã bố trí chi tiết đến dự án/ tiểu dự án/ nội dung thành phần của từng CTMTQG giai đoạn 2021 - 2025.

- Các kết quả đạt được; các khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế; nguyên nhân (khách quan, chủ quan), bài học kinh nghiệm và trách nhiệm của các cấp, các ngành; đề xuất giải pháp, chính sách (nếu có).

- Kết luận của Kiểm toán nhà nước và kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước liên quan đến tổ chức thực hiện, sử dụng nguồn lực trong thực hiện các CTMTQG (nếu có).

b) Các sở, ngành, địa phương, đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia:

- Đánh giá tình hình phân bổ, sử dụng, giải ngân vốn ngân sách nhà nước, bao gồm: ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho địa phương (gồm vốn đầu tư phát triển, kinh phí sự nghiệp, trong đó cụ thể vốn trong nước, vốn nước ngoài (nếu có)), chi tiết đến dự án/ tiêu dự án/ nội dung thành phần của từng CTMTQG giai đoạn 2021-2025.

- Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao;

- Kết luận của Kiểm toán nhà nước và kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, các cơ quan thanh tra liên quan (nếu có).

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Tình hình thực hiện, giải ngân vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình trong kế hoạch đầu tư công hàng năm.

2. Kết quả đạt được. Tính khả thi và khả năng hoàn thành các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình theo các mục tiêu, nhiệm vụ được giao. Khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện, trách nhiệm của cá nhân, tập thể. Bài học kinh nghiệm. Đề xuất giải pháp, kiến nghị (nếu có).

III. TRIỂN KHAI LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

1. Mục tiêu và định hướng đầu tư công giai đoạn 2026-2030

a) Thu hút tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Quyết định số 1059/QĐ-TTg ngày 14/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026-2030.

b) Tập trung bố trí trọng tâm, trọng điểm để triển khai những nhiệm vụ, công trình, dự án lớn, mang tính biểu tượng, xoay chuyển tình hình, đẩy nhanh tiến độ, hoàn thiện cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại; ưu tiên đầu tư mở rộng không gian đô thị, mở rộng phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp có tiềm năng để đẩy mạnh thu hút đầu tư; không bố trí vốn dàn trải, manh mún; Số lượng dự án đầu tư vốn ngân sách trung ương thực hiện trong giai đoạn 2026-2030 phải thấp hơn giai đoạn 2021-2025 định hướng khoảng 15% đến 20% tổng số lượng dự án theo Chỉ thị 25/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ để tập trung cho các dự án trọng điểm và không mất nhiều thời gian làm thủ tục; dự án có thời gian thực hiện trong 02 kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn phải bảo đảm quy định tại khoản 2 Điều 89 Luật Đầu tư công.

c) Ưu tiên vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước để đầu tư phát triển các khu vực động lực tăng trưởng, hành lang kinh tế, trung tâm đô thị đồng thời phát triển hạ tầng vùng miền Tây, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng thường xuyên bị thiên tai, bão lũ, biến đổi khí hậu, hạn hán, xâm nhập mặn, điều kiện

kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn để bảo đảm cơ cấu đầu tư hợp lý, hiệu quả, góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân.

d) Quán triệt nguyên tắc, thứ tự ưu tiên bố trí, sử dụng vốn ngân sách nhà nước để dẫn dắt, khai thác tối đa các nguồn lực của các thành phần kinh tế khác; tạo đột phá thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước theo phương thức đối tác công - tư để tập trung đầu tư phát triển, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng, đặc biệt đối với các dự án có sức lan tỏa rộng và tác động lớn tới phát triển kinh tế; các dự án hạ tầng xã hội phục vụ cộng đồng dân sinh thuộc các ngành y tế, giáo dục, xã hội...

2. Nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030

a) Bám sát các mục tiêu, định hướng tại Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030, Kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, quy hoạch tỉnh và các quy hoạch khác liên quan; phù hợp khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và thu hút các nguồn vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế khác.

b) Việc phân bổ vốn đầu tư công phải tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 được các cấp có thẩm quyền phê duyệt; Chỉ bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công.

Nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho các địa phương phải tập trung đầu tư vào các dự án lớn, có tính liên vùng, mang tính lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nguồn ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã) tập trung đầu tư vào các công trình, dự án có tính liên tỉnh, liên huyện, liên xã, bảo đảm trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, kiên quyết khắc phục tình trạng manh mún, dàn trải, kém hiệu quả.

c) Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 để xác định nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030 phù hợp với các mục tiêu, định hướng phân bổ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030; chủ động sắp xếp thứ tự ưu tiên các chương trình, nhiệm vụ, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030; tập trung bố trí vốn đầu tư công để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, hoàn thành các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án trọng điểm, tạo sức lan tỏa lớn, có tính kết nối liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, chương trình, nhiệm vụ, dự án quốc phòng, an ninh, tư pháp, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, giáo dục, đào tạo nhân lực chất lượng cao (bảo đảm tỷ lệ chi cho giáo dục, đào tạo và khoa học công nghệ), bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, thích ứng với biến đổi khí hậu, đảm bảo an ninh nguồn nước, chuyển đổi xanh, các dự án cần thiết, bức xúc khác của ngành, địa phương để bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ cộng đồng dân sinh; thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu còn), trong đó, theo cơ cấu nguồn vốn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nợ của ngân sách cấp nào do cấp đó chịu trách nhiệm thanh toán. Trong từng cấp ngân sách, dự án được

khởi công từ nguồn vốn nào thì tiếp tục ưu tiên thanh toán nợ còn lại từ nguồn vốn đó để bảo đảm cân đối chung theo quy định tại Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 13/11/2020 về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Nghệ An. Đối với nợ phát sinh từ ngày 01/01/2015 trở về sau, các sở, ngành, địa phương chỉ đạo các chủ đầu tư phải huy động các nguồn vốn hợp pháp khác (ngoài vốn kế hoạch đầu tư công) để thanh toán theo quy định tại khoản 4 Điều 101 Luật Đầu tư công; thu hồi dứt điểm số dư vốn ứng trước phải thu hồi theo quy định tại Nghị quyết số 93/2023/QH15 ngày 22/6/2023 của Quốc hội (nếu còn).

d) Bố trí đủ vốn chuẩn bị đầu tư từ kế hoạch năm 2025 (đối với nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025) và kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 để tổ chức lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án đầu tư công khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030, vốn để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

đ) Bố trí đủ vốn ngân sách cấp huyện, cấp xã cho các dự án có sử dụng vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh theo cơ cấu nguồn vốn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

e) Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với đề cao trách nhiệm và kiểm tra, giám sát; giảm thủ tục hành chính trong quản lý đầu tư công, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành và nâng cao hiệu quả đầu tư.

3. Lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030

Trên cơ sở các quy định tại Luật Đầu tư công, các mục tiêu, định hướng, nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 quy định tại điểm 1 và 2 Mục III, các sở, ngành, địa phương rà soát, dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo từng nguồn vốn trong từng ngành, lĩnh vực cho nhiệm vụ, chương trình, dự án theo thứ tự ưu tiên như sau:

a) Phân bổ đủ vốn để thanh toán hết số nợ đọng xây dựng cơ bản (phát sinh trước ngày 01/01/2015) theo quy định của Luật Đầu tư công (nếu còn);

b) Phân bổ đủ vốn để hoàn trả hết số vốn ứng trước kế hoạch (nếu còn);

c) Phân bổ đủ vốn cho dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (bao gồm cả vốn đối ứng); vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư; dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch; dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt (chưa hoàn thành trong kỳ kế hoạch). Đối với ngân sách cấp huyện, cấp xã, bố trí đủ vốn cho các dự án có sử dụng vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh theo cơ cấu nguồn vốn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Phân bổ vốn để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch, rà soát, điều chỉnh quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch và Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện

chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

đ) Phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư (làm rõ vốn chuẩn bị đầu tư dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030, vốn bố trí cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư cho dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2031-2035);

e) Phân bổ vốn cho dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định của Luật Đầu tư công.

g) Phân bổ vốn cho cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý, cấp vốn điều lệ cho ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

IV. PHÂN CÔNG VÀ TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 -2030

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với sở, ngành, địa phương:

a) Căn cứ Chỉ thị này, Công văn số 6555/BKHĐT-TH ngày 16/8/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 và Công văn số 6039/UBND-KT ngày 18/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030, rà soát, tổng hợp nhu cầu vốn, lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 nguồn ngân sách tỉnh (bao gồm nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương) báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thống nhất để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 30/9/2024.

b) Thường xuyên nắm bắt thông tin, kịp thời tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện các bước tiếp theo sau khi có thông báo dự kiến vốn và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự kiến kế hoạch tài chính ngân sách 5 năm giai đoạn 2026-2030 trong đó có dự kiến chi đầu tư phát triển để làm căn cứ xây dựng kế hoạch trung hạn 2026-2030.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại khoản 1 mục này.

3. Các cơ quan chủ trì tham mưu thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc) chủ trì hướng dẫn, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Chỉ thị này và triển khai lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 khi có hướng dẫn của Trung ương.

4. Các sở, ngành, địa phương căn cứ quy định tại Luật Đầu tư công, Chỉ thị này, Công văn số 6555/BKHĐT-TH ngày 16/8/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Công văn số 6039/UBND-KT ngày 18/7/2024 của UBND tỉnh:

a) Thực hiện đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và rà soát, tổng hợp nhu cầu vốn, lập kế hoạch đầu tư công

trung hạn giai đoạn 2026-2030 nguồn ngân sách tỉnh (bao gồm nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương) gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp.

b) Lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai 2026-2030 trong phạm vi nhiệm vụ được giao và nguồn vốn thuộc cấp mình quản lý, báo cáo các cấp có thẩm quyền theo quy định.

c) Chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp trực thuộc lập kế hoạch đầu tư trung hạn 2026-2030 nguồn thu hợp pháp của cơ quan mình và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc dành để đầu tư.

Các sở, ngành, địa phương chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung thông tin, số liệu, tiến độ, chất lượng báo cáo trước UBND tỉnh, các cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán.

5. Các Giám đốc sở, Thủ trưởng các ban, ngành và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ và những quy định trong Chỉ thị này, khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện theo tiến độ quy định tại Luật Đầu tư công, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công văn chỉ đạo của UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư, bảo đảm việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 có chất lượng, tiết kiệm, hiệu quả./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Lưu: VT, KT (Ngũ).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Thanh An